

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA**SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NĂM 2023 (Đợt 4)****Khối Trung cấp Giáo dục nghề nghiệp K58; Khóa học 2021 - 2023****Hình thức đào tạo: Chính quy****Quyết định số 364/QĐ-CĐSL ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La****Cấp bằng: 27/06/2023**

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Lò Văn	Bó	24/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001664	14/TC1/2023 /328		
2	Quảng Thị	Chung	05/01/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Giỏi	TC1.001665	14/TC1/2023 /329		
3	Cà Văn	Cương	24/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001666	14/TC1/2023 /330		
4	Lò Văn	Cường	26/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001667	14/TC1/2023 /331		
5	Bạc Cầm	Đức	01/01/2006	Lai Châu	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001668	14/TC1/2023 /332		
6	Lò Văn	Đức	26/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001669	14/TC1/2023 /333		
7	Lò Kim	Dương	02/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001670	14/TC1/2023 /334		
8	Lò Văn	Hiên	20/11/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001671	14/TC1/2023 /335		
9	Lò Văn	Huỳnh	18/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001672	14/TC1/2023 /336		
10	Lò Thanh	Lâm	24/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001673	14/TC1/2023 /337		
11	Quảng Văn	Long	12/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001674	14/TC1/2023 /338		
12	Lò Văn	Mạnh	15/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001675	14/TC1/2023 /339		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
13	Cà Duy	Minh	15/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001676	14/TC1/2023 /340		
14	Lò Văn	Minh	19/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001677	14/TC1/2023 /341		
15	Lò Văn	Như	21/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001678	14/TC1/2023 /342		
16	Bạc Thị	Nhượng	03/12/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001679	14/TC1/2023 /343		
17	Cà Văn	Phương	12/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001680	14/TC1/2023 /344		
18	Lò Văn	Quân	15/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001681	14/TC1/2023 /345		
19	Lò Văn	Quảng	25/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001682	14/TC1/2023 /346		
20	Lò Văn	Quý	11/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001683	14/TC1/2023 /347		
21	Lò Văn	Quyết	10/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001684	14/TC1/2023 /348		
22	Cà Văn	Thắng	08/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001685	14/TC1/2023 /349		
23	Lò Văn	Thiện	21/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001686	14/TC1/2023 /350		
24	Lường Văn	Thiệp	10/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001687	14/TC1/2023 /351		
25	Lò Thị	Thiệt	20/08/2006	Lai Châu	Nữ	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001688	14/TC1/2023 /352		
26	Lò Văn	Trường	28/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001689	14/TC1/2023 /353		
27	Quảng Văn	Trường	20/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001690	14/TC1/2023 /354		
28	Bạc Cẩm	Tuấn	20/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Khá	TC1.001691	14/TC1/2023 /355		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
29	Quảng Văn	Tuyền	14/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Bảo vệ môi trường đô thị	2023	Trung bình	TC1.001692	14/TC1/2023 /356		
30	Sùng Tuấn	Anh	19/02/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001693	14/TC1/2023 /357		
31	Tòng Thị	Chung	05/02/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001694	14/TC1/2023 /358		
32	Lò Văn	Cương	27/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001695	14/TC1/2023 /359		
33	Lường Xuân	Dần	14/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001696	14/TC1/2023 /360		
34	Ấu Văn	Du	19/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001697	14/TC1/2023 /361		
35	Là Văn	Đức	15/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001698	14/TC1/2023 /362		
36	Lầu A	Đức	12/03/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001699	14/TC1/2023 /363		
37	Lò Khánh	Duy	30/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001700	14/TC1/2023 /364		
38	Lường Đức	Duy	19/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001701	14/TC1/2023 /365		
39	Lưu Thị Phước	Hạnh	19/02/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001702	14/TC1/2023 /366		
40	Lò Văn	Hòa	06/05/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001703	14/TC1/2023 /367		
41	Tòng Văn	Hùng	15/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001704	14/TC1/2023 /368		
42	Tòng Thị	Hương	20/12/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001705	14/TC1/2023 /369		
43	Bạc Cầm	Huy	21/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001706	14/TC1/2023 /370		
44	Vì Thị	Khuyên	27/01/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001707	14/TC1/2023 /371		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
45	Lò Văn	Mạnh	18/6/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001708	14/TC1/2023 /372		
46	Ngần Văn	Ngọc	25/04/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001709	14/TC1/2023 /373		
47	Bạc Cầm	Nhân	07/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001710	14/TC1/2023 /374		
48	Lò Thị	Như	28/02/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001711	14/TC1/2023 /375		
49	Phàn Thị	Phìn	26/02/2006	Sơn La	Nữ	Dao	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001712	14/TC1/2023 /376		
50	Lò Minh	Phú	07/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001713	14/TC1/2023 /377		
51	Lường Văn	Tấn	02/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001714	14/TC1/2023 /378		
52	Lò Văn	Thân	17/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001715	14/TC1/2023 /379		
53	Lò Văn	Thành	22/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001716	14/TC1/2023 /380		
54	Lò Việt	Tuyên	10/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001717	14/TC1/2023 /381		
55	Quảng Văn	Tuyền	28/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001718	14/TC1/2023 /382		
56	Tòng Văn	Vinh	25/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001719	14/TC1/2023 /383		
57	Lò Thị	Xuân	09/12/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001720	14/TC1/2023 /384		
58	Lò Văn	Đại	15/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001721	14/TC1/2023 /385		
59	Lò Văn	Đệ	09/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001722	14/TC1/2023 /386		
60	Quảng Văn	Di	06/12/2005	Sơn La	Nam	La ha	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001723	14/TC1/2023 /387		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
61	Là Văn	Hung	06/06/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001724	14/TC1/2023 /388		
62	Quảng Văn	Khánh	07/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001725	14/TC1/2023 /389		
63	Lò Văn	Long	11/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001726	14/TC1/2023 /390		
64	Lò Trần	Phú	21/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001727	14/TC1/2023 /391		
65	Bạc Cầm	Quỳnh	15/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001728	14/TC1/2023 /392		
66	Lò Văn	Thành	18/09/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001729	14/TC1/2023 /393		
67	Lù Thị	Trang	16/04/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001730	14/TC1/2023 /394		
68	Quảng Văn	Tuấn	05/09/2006	Sơn La	Nam	La ha	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001731	14/TC1/2023 /395		
69	Lò Thị	Tuệ	26/11/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Khá	TC1.001732	14/TC1/2023 /396		
70	Lường Văn	Tường	15/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001733	14/TC1/2023 /397		
71	Lò Văn	Xiên	15/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001734	14/TC1/2023 /398		
72	Lò Văn	Xuân	10/02/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Chăn nuôi - Thú y	2023	Trung bình	TC1.001735	14/TC1/2023 /399		
73	Hoàng Thị Ngọc	Bích	26/10/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Khá	TC1.001736	14/TC1/2023 /400		
74	Vì Kiên	Cường	11/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001737	14/TC1/2023 /401		
75	Vì Văn	Đạt	13/07/2006	Sơn La	Nam	Xinh mun	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001738	14/TC1/2023 /402		
76	Sông Thị	Dau	21/05/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001739	14/TC1/2023 /403		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
77	Vừ Lao	Dềnh	24/05/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001740	14/TC1/2023/404		
78	Nguyễn Xuân	Đức	03/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001741	14/TC1/2023/405		
79	Lò Đức	Hiệp	06/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Khá	TC1.001742	14/TC1/2023/406		
80	Hà Thị Thu	Hoài	15/12/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Khá	TC1.001743	14/TC1/2023/407		
81	Lò Xuân	Hoàng	30/01/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001744	14/TC1/2023/408		
82	Mê Duy	Hữu	25/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Khá	TC1.001745	14/TC1/2023/409		
83	Lừ Quang	Huy	07/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Khá	TC1.001746	14/TC1/2023/410		
84	Quảng Văn	Khải	17/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001747	14/TC1/2023/411		
85	Lừ Duy	Khánh	30/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001748	14/TC1/2023/412		
86	Lừ Duy	Kiệt	23/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001749	14/TC1/2023/413		
87	Lò Mạnh	Luân	02/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Khá	TC1.001750	14/TC1/2023/414		
88	Lò Trà	Ly	12/06/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Khá	TC1.001751	14/TC1/2023/415		
89	Quảng Thị Diễm	Như	15/11/2006	Sơn La	Nữ	Dao	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Khá	TC1.001752	14/TC1/2023/416		
90	Hoàng Văn	Quyển	21/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001753	14/TC1/2023/417		
91	Hoàng Mạnh	Quỳnh	23/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001754	14/TC1/2023/418		
92	Thào	Sênh	16/10/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001755	14/TC1/2023/419		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
93	Quảng Văn	Thoái	14/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001756	14/TC1/2023 /420		
94	Quảng Anh	Tuấn	29/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2023	Trung bình	TC1.001757	14/TC1/2023 /421		
95	Giàng A	Chĩa	06/06/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001758	14/TC1/2023 /422		
96	Thào Thị	Chu	06/01/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001759	14/TC1/2023 /423		
97	Hà Thị	Đào	18/11/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001760	14/TC1/2023 /424		
98	Triệu Văn	Dũng	17/12/2006	Sơn La	Nam	Dao	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001761	14/TC1/2023 /425		
99	Giàng A	Gư	13/10/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001762	14/TC1/2023 /426		
100	Hà Văn	Hoàn	16/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001763	14/TC1/2023 /427		
101	Hà Thị Thu	Lệ	06/11/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001764	14/TC1/2023 /428		
102	Vì Văn	Miền	07/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001765	14/TC1/2023 /429		
103	Sông A	Nánh	01/10/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001766	14/TC1/2023 /430		
104	Ngần Văn	Nhân	18/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001767	14/TC1/2023 /431		
105	Vì Văn	Quý	04/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001768	14/TC1/2023 /432		
106	Mùa A	Sâm	29/01/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Giỏi	TC1.001769	14/TC1/2023 /433		
107	Bàn Thị	Thắm	14/02/2006	Sơn La	Nữ	Dao	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001770	14/TC1/2023 /434		
108	Vì Mạnh	Thắng	06/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001771	14/TC1/2023 /435		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
109	Hoàng Việt	Tiến	22/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001772	14/TC1/2023 /436		
110	Thào A	Trường	19/02/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001773	14/TC1/2023 /437		
111	Nguyễn Hùng	Vĩ	01/05/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Hướng dẫn du lịch	2023	Khá	TC1.001774	14/TC1/2023 /438		
112	Đinh Công	Ái	24/04/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001775	14/TC1/2023 /439		
113	Phan Thị Vân	Anh	15/4/2006	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001776	14/TC1/2023 /440		
114	Hoàng Thanh	Bình	19/01/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001777	14/TC1/2023 /441		
115	Thào Thị	Dị	18/01/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001778	14/TC1/2023 /442		
116	Hoàng Văn	Đông	20/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001779	14/TC1/2023 /443		
117	Hoàng Ngọc	Dương	21/10/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001780	14/TC1/2023 /444		
118	Đinh Văn	Duy	20/11/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Trung bình	TC1.001781	14/TC1/2023 /445		
119	Nguyễn Đức	Duy	16/11/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001782	14/TC1/2023 /446		
120	Nguyễn Hoàng	Giang	06/09/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001783	14/TC1/2023 /447		
121	Nguyễn Thị	Hà	08/07/2006	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001784	14/TC1/2023 /448		
122	Lù Thị	Hằng	09/02/2005	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001785	14/TC1/2023 /449		
123	Đinh Công	Hiếu	18/11/2006	Phú Thọ	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001786	14/TC1/2023 /450		
124	Hoàng Anh	Khoa	20/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001787	14/TC1/2023 /451		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
125	Đinh Tiến	Lực	21/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001788	14/TC1/2023/452		
126	Phan Văn	Minh	18/10/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001789	14/TC1/2023/453		
127	Lường Thị Yên	Nhi	04/06/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001790	14/TC1/2023/454		
128	Sầm Thị Lâm	Nhi	02/10/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001791	14/TC1/2023/455		
129	Lường Hoàng	Phú	14/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001792	14/TC1/2023/456		
130	Đinh Minh	Quân	21/08/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001793	14/TC1/2023/457		
131	Đinh Anh	Quốc	27/11/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001794	14/TC1/2023/458		
132	Phàng A	Sông	27/10/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001795	14/TC1/2023/459		
133	Đinh Văn	Thế	14/11/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001796	14/TC1/2023/460		
134	Vì Đức	Thịnh	10/11/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001797	14/TC1/2023/461		
135	Đinh Văn	Thuân	18/05/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001798	14/TC1/2023/462		
136	Nguyễn Trí	Thức	14/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001799	14/TC1/2023/463		
137	Hoàng Thu	Trang	17/11/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001800	14/TC1/2023/464		
138	Nông Quốc	Tú	21/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001801	14/TC1/2023/465		
139	Nguyễn Anh	Tuấn	20/12/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001802	14/TC1/2023/466		
140	Hoàng Đức	Vũ	25/10/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001803	14/TC1/2023/467		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
141	Cầm Văn	Dũng	11/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001804	14/TC1/2023 /468		
142	Cầm Văn	Hung	24/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001805	14/TC1/2023 /469		
143	Mùa A	Khoa	07/10/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001806	14/TC1/2023 /470		
144	Lý A	Chăm	30/12/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001807	14/TC1/2023 /471		
145	Lý A	Chênh	15/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001808	14/TC1/2023 /472		
146	Sông A	Chiến	23/05/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001809	14/TC1/2023 /473		
147	Hà Văn	Điệp	22/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001810	14/TC1/2023 /474		
148	Vàng A	Hồ	06/08/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001811	14/TC1/2023 /475		
149	Lừ Văn	Hung	24/09/2006	Sơn La	Nam	Kho mú	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001812	14/TC1/2023 /476		
150	Lường Đức	Huy	05/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001813	14/TC1/2023 /477		
151	Hà Văn	Khánh	01/07/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001814	14/TC1/2023 /478		
152	Lường Trường	Lâm	18/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001815	14/TC1/2023 /479		
153	Sông A	Lanh	29/09/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001816	14/TC1/2023 /480		
154	Quảng Thị	Minh	05/10/2004	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001817	14/TC1/2023 /481		
155	Lý A	Phặng	13/01/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001818	14/TC1/2023 /482		
156	Giàng A	Phúc	12/03/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001819	14/TC1/2023 /483		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
157	Hà Văn	Quyền	21/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001820	14/TC1/2023 /484		
158	Quảng Văn	Quyền	23/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001821	14/TC1/2023 /485		
159	Sùng A	Sệnh	23/04/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001822	14/TC1/2023 /486		
160	Quảng Văn	Tiếp	07/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001823	14/TC1/2023 /487		
161	Giàng A	Tình	24/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001824	14/TC1/2023 /488		
162	Lèo Đức	Tôn	21/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001825	14/TC1/2023 /489		
163	Hà Việt	Tuyển	25/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001826	14/TC1/2023 /490		
164	Mùa Tuấn	Anh	28/10/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001827	14/TC1/2023 /491		
165	Giàng A	Chang	10/01/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001828	14/TC1/2023 /492		
166	Thào A	Chìa	10/08/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001829	14/TC1/2023 /493		
167	Tráng A	Chồng	25/12/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001830	14/TC1/2023 /494		
168	Mùa A	Của	24/09/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001831	14/TC1/2023 /495		
169	Đình Văn	Đích	05/09/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001832	14/TC1/2023 /496		
170	Đình Văn	Đình	05/11/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001833	14/TC1/2023 /497		
171	Thào A	Giao	14/12/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001834	14/TC1/2023 /498		
172	Thào A	Giống	15/08/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001835	14/TC1/2023 /499		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
173	Đinh Văn	Hành	17/02/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001836	14/TC1/2023 /500		
174	Thào A	Lu	21/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001837	14/TC1/2023 /501		
175	Đặng Văn	Mừng	03/03/2006	Sơn La	Nam	Dao	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001838	14/TC1/2023 /502		
176	Phàng A	Nhà	23/10/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001839	14/TC1/2023 /503		
177	Hạng A	Ninh	15/08/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001840	14/TC1/2023 /504		
178	Thào A	Phia	16/11/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001841	14/TC1/2023 /505		
179	Mùa A	Phứ	13/10/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001842	14/TC1/2023 /506		
180	Thào A	Sênh	26/04/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001843	14/TC1/2023 /507		
181	Vàng A	Sếnh	05/02/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001844	14/TC1/2023 /508		
182	Giàng Thị	So	09/09/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001845	14/TC1/2023 /509		
183	Giàng A	Son	05/07/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001846	14/TC1/2023 /510		
184	Lò Xuân	Thành	15/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001847	14/TC1/2023 /511		
185	Vì Văn	Thùy	12/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001848	14/TC1/2023 /512		
186	Sông A	Tiên	15/05/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001849	14/TC1/2023 /513		
187	Đinh Quốc	Toản	09/06/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001850	14/TC1/2023 /514		
188	Hạng Gàng	Tổng	29/08/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001851	14/TC1/2023 /515		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
189	Sông A	Tùa	02/01/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001852	14/TC1/2023 /516		
190	Thào Lao	Tùa	31/10/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001853	14/TC1/2023 /517		
191	Đinh Văn	Ước	17/05/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001854	14/TC1/2023 /518		
192	Đinh Thị	Vươn	28/07/2006	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001855	14/TC1/2023 /519		
193	Lò Văn	Bình	27/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001856	14/TC1/2023 /520		
194	Tòng Văn	Bình	10/9/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001857	14/TC1/2023 /521		
195	Lường Văn	Châu	11/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001858	14/TC1/2023 /522		
196	Lò Văn	Cường	02/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001859	14/TC1/2023 /523		
197	Cà Quang	Doãn	29/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001860	14/TC1/2023 /524		
198	Lường Đức	Duy	03/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001861	14/TC1/2023 /525		
199	Lò Thị	Hải	21/03/2006	Sơn La	Nữ	La ha	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001862	14/TC1/2023 /526		
200	Lò Thị	Hoàn	08/11/2006	Sơn La	Nữ	La ha	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001863	14/TC1/2023 /527		
201	Lò Văn	Khởi	30/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001864	14/TC1/2023 /528		
202	Hoàng Văn	Kiên	11/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001865	14/TC1/2023 /529		
203	Lò Văn	Lâm	25/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001866	14/TC1/2023 /530		
204	Lò Tuấn	Linh	03/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001867	14/TC1/2023 /531		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
205	Lò Văn	Mạnh	30/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001868	14/TC1/2023 /532		
206	Mè Tuấn	Minh	26/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001869	14/TC1/2023 /533		
207	Phản Thị	Phin	05/08/2006	Sơn La	Nữ	Dao	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Giỏi	TC1.001870	14/TC1/2023 /534		
208	Hoàng Văn	Quyển	19/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Trung bình	TC1.001871	14/TC1/2023 /535		
209	Lò Văn	Sơn	30/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001872	14/TC1/2023 /536		
210	Hoàng Văn	Thảo	08/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001873	14/TC1/2023 /537		
211	Tòng Minh	Tuyền	22/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001874	14/TC1/2023 /538		
212	Hoàng Văn	Quảng	12/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001875	14/TC1/2023 /539		
213	Mùa A	Cang	10/12/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001876	14/TC1/2023 /540		
214	Cà Văn	Chung	18/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001877	14/TC1/2023 /541		
215	Tòng Văn	Điệp	12/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001878	14/TC1/2023 /542		
216	Tòng Văn	Dương	12/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001879	14/TC1/2023 /543		
217	Quảng Văn	Duy	08/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001880	14/TC1/2023 /544		
218	Cầm Văn	Hạo	26/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001881	14/TC1/2023 /545		
219	Quảng Văn	Huân	20/05/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001882	14/TC1/2023 /546		
220	Tòng Da	Hung	21/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001883	14/TC1/2023 /547		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
221	Lò Văn	Huỳnh	13/01/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001884	14/TC1/2023 /548		
222	Lò Văn	Khải	14/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001885	14/TC1/2023 /549		
223	Lầm Quốc	Khánh	20/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001886	14/TC1/2023 /550		
224	Lèo Chung	Khánh	26/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001887	14/TC1/2023 /551		
225	Lò Văn	Linh	17/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001888	14/TC1/2023 /552		
226	Quảng Hải	Long	27/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001889	14/TC1/2023 /553		
227	Tòng Văn	Lương	30/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001890	14/TC1/2023 /554		
228	Lường Văn	Ngọc	16/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001891	14/TC1/2023 /555		
229	Mùa A	Nụ	09/12/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Trung bình	TC1.001892	14/TC1/2023 /556		
230	Tòng Ngọc	Quang	28/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001893	14/TC1/2023 /557		
231	Tòng Văn	Quang	09/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001894	14/TC1/2023 /558		
232	Hà Văn	Quyền	30/01/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001895	14/TC1/2023 /559		
233	Lò Văn	Quyền	31/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001896	14/TC1/2023 /560		
234	Hờ A	Sơn	05/05/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001897	14/TC1/2023 /561		
235	Lò Đức	Sơn	07/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001898	14/TC1/2023 /562		
236	Tòng Văn	Tài	10/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001899	14/TC1/2023 /563		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
237	Lò Nhật	Tân	23/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001900	14/TC1/2023 /564		
238	Lường Văn	Thành	11/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001901	14/TC1/2023 /565		
239	Tòng Văn	Thành	09/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001902	14/TC1/2023 /566		
240	Lò Chí	Thức	30/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001903	14/TC1/2023 /567		
241	Lèo Đức	Trọng	02/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2023	Khá	TC1.001904	14/TC1/2023 /568		
242	Lò Văn	Chung	08/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001905	14/TC1/2023 /569		
243	Cà Văn	Đập	02/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001906	14/TC1/2023 /570		
244	Quảng Văn	Đạt	24/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001907	14/TC1/2023 /571		
245	Vì Bảo	Diệp	09/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001908	14/TC1/2023 /572		
246	Lò Văn	Đông	01/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001909	14/TC1/2023 /573		
247	Bạc cảm	Dũng	19/03/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001910	14/TC1/2023 /574		
248	Lù Văn	Dương	10/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001911	14/TC1/2023 /575		
249	Lò Văn	Hoàng	21/12/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001912	14/TC1/2023 /576		
250	Lò Văn	Hoàng	26/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001913	14/TC1/2023 /577		
251	Nguyễn Huy	Hoàng	06/09/2006	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001914	14/TC1/2023 /578		
252	Lò Văn	Huy	19/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001915	14/TC1/2023 /579		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
253	Là Văn	Khởi	02/10/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001916	14/TC1/2023 /580		
254	Cà Văn	Long	10/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001917	14/TC1/2023 /581		
255	Cà Văn	Mạnh	20/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001918	14/TC1/2023 /582		
256	Cà Văn	Ngân	24/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001919	14/TC1/2023 /583		
257	Lò Văn	Nghiệp	15/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001920	14/TC1/2023 /584		
258	Quảng Văn	Nghiệp	15/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001921	14/TC1/2023 /585		
259	Quảng Văn	Nhất	25/08/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001922	14/TC1/2023 /586		
260	Lường Văn	Như	07/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001923	14/TC1/2023 /587		
261	Quảng Văn	Phong	15/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001924	14/TC1/2023 /588		
262	Lù Văn	Phúc	26/06/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001925	14/TC1/2023 /589		
263	Mao Thị Kim	Phượng	18/07/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001926	14/TC1/2023 /590		
264	Quảng Văn	Thắng	15/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001927	14/TC1/2023 /591		
265	Tòng Văn	Trường	04/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Trung bình	TC1.001928	14/TC1/2023 /592		
266	Lù Văn	Tuấn	03/09/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001929	14/TC1/2023 /593		
267	Quảng Văn	Tuyển	10/11/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Trung bình	TC1.001930	14/TC1/2023 /594		
268	Vàng A	Bại	03/05/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001931	14/TC1/2023 /595		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
269	Sộng Thị	Cau	04/09/2004	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001932	14/TC1/2023/596		
270	Vừ A	Chia	08/01/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001933	14/TC1/2023/597		
271	Sộng A	Chiên	15/11/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001934	14/TC1/2023/598		
272	Hờ A	Chư	19/10/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Trung bình	TC1.001935	14/TC1/2023/599		
273	Vừ A	Công	01/04/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001936	14/TC1/2023/600		
274	Vạ A	Dại	06/09/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001937	14/TC1/2023/601		
275	Giàng A	Đại	19/07/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001938	14/TC1/2023/602		
276	Vàng Thị	Dậu	29/10/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001939	14/TC1/2023/603		
277	Và Thị	Dí	10/10/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001940	14/TC1/2023/604		
278	Tòng Thị	Diên	11/09/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001941	14/TC1/2023/605		
279	Vừ A	Định	11/07/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001942	14/TC1/2023/606		
280	Và A	Đnh	15/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Trung bình	TC1.001943	14/TC1/2023/607		
281	Hờ A	Hay	30/08/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001944	14/TC1/2023/608		
282	Vừ A	Hùng	20/11//2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001945	14/TC1/2023/609		
283	Quàng Thị	Kim	04/09/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001946	14/TC1/2023/610		
284	Sộng A	Lại	10/01/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001947	14/TC1/2023/611		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
285	Thào Thị	Ly	27/07/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001948	14/TC1/2023 /612		
286	Giàng Thị	Man	10/06/2003	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001949	14/TC1/2023 /613		
287	Vừ A	Mạnh	05/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001950	14/TC1/2023 /614		
288	Vàng Cha	Mệnh	14/10/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001951	14/TC1/2023 /615		
289	Giàng A	Minh	20/04/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001952	14/TC1/2023 /616		
290	Vì Thế	Minh	10/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001953	14/TC1/2023 /617		
291	Giàng Thị	Mua	16/03/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001954	14/TC1/2023 /618		
292	Vàng A	Mua	02/03/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001955	14/TC1/2023 /619		
293	Sùng Thị	Nếnh	26/05/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001956	14/TC1/2023 /620		
294	Lò Văn	Nghĩa	18/07/2006	Sơn La	Nam	Kho mú	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Trung bình	TC1.001957	14/TC1/2023 /621		
295	Sộng Thị	Sênh	16/04/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001958	14/TC1/2023 /622		
296	Giàng A	Sùng	11/07/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001959	14/TC1/2023 /623		
297	Vì Văn	Tiện	15/06/2006	Sơn La	Nam	Xinh mun	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001960	14/TC1/2023 /624		
298	Giàng A	Tri	05/01/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001961	14/TC1/2023 /625		
299	Và A	Trường	24/02/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001962	14/TC1/2023 /626		
300	Lò Văn	Văn	18/02/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001963	14/TC1/2023 /627		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
301	Mùa A	Vừ	12/08/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001964	14/TC1/2023/628		
302	Giàng A	Ba	17/08/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001965	14/TC1/2023/629		
303	Vạ A	Cha	05/09/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001966	14/TC1/2023/630		
304	Ly A	Chải	07/09/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001967	14/TC1/2023/631		
305	Mùa A	Chênh	29/11/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001968	14/TC1/2023/632		
306	Giàng A	Chống	25/12/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001969	14/TC1/2023/633		
307	Ly Thị	Công	07/03/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001970	14/TC1/2023/634		
308	Cứ A	Da	21/11/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001971	14/TC1/2023/635		
309	Lường Văn	Điệp	11/06/2006	Sơn La	Nam	La ha	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001972	14/TC1/2023/636		
310	Thào Thị	Dữ	01/02/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001973	14/TC1/2023/637		
311	Lò Thị	Duy	08/06/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001974	14/TC1/2023/638		
312	Cà Thị	Hà	08/03/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001975	14/TC1/2023/639		
313	Lầu Thị	Hoa	29/08/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001976	14/TC1/2023/640		
314	Tông Thị Lan	Hương	19/11/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001977	14/TC1/2023/641		
315	Lò Văn	Khánh	19/06/2006	Sơn La	Nam	La ha	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001978	14/TC1/2023/642		
316	Vàng Thị	Mây	17/09/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001979	14/TC1/2023/643		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
317	Lầu A	Sinh	28/11/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001980	14/TC1/2023 /644		
318	Ly Thị	Ta	02/09/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001981	14/TC1/2023 /645		
319	Vạ Thị	Tề	08/10/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001982	14/TC1/2023 /646		
320	Quàng Thị	Thanh	06/03/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001983	14/TC1/2023 /647		
321	Lò Thị	Thảo	06/07/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001984	14/TC1/2023 /648		
322	Phàng A	Thư	05/03/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001985	14/TC1/2023 /649		
323	Lò Văn	Việt	30/04/2006	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001986	14/TC1/2023 /650		

Danh sách này có: 323 học sinh

Sơn La, ngày tháng năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long